TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 5 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 218/2018/DS-ST
Ngày: 20-7-2018
V/v tranh chấp: "Tranh chấp về hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 5 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Ngọc Bích

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Tư Sanh

Bà Nguyễn Thị Kim Hoàng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Hằng – là Thư ký Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 5 tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Tiến – Kiểm Sát Viên.

Trong ngày 20 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 77/2017/TLST–DS ngày 02 tháng 6 năm 2017 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2018/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 5 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 268/2018/QĐST-DS ngày 29/6/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng A

Trụ sở: Số 02 đường L, phường T, quận B, Thành phố Hà Nội

Ông Trịnh Ngọc K; cư trú tại số 37-J7 tập thể Sư đoàn 361-tổ 44A, phường Y, quận C, Thành phố Hà Nội là người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn (Chủ tịch hội đồng thành viên của Ngân hàng A)

Ông Nguyễn Đình H là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Quyết định ủy quyền số 510/QĐ-HĐTV-PC ngày 19/6/2014)

Ông Nguyễn Đình H ủy quyền lại cho ông Trần H, ông Hồ Thanh P, ông Nguyễn Thanh N làm đại diện (Giấy ủy quyền số 247/UQ-NHNoBT-KHKD ngày 17/3/2017). (Ông Trần Hcó mặt)

Địa chỉ liên hệ (Ngâ hàng A Chi nhánh B): 347-351 đường Phủ, Phường 15, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh

2. Bị đơn: Ông Trần Anh K, sinh năm 1953 (Vắng mặt)
Thường trú: 201/1 đường T, Phường 4, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Trần Thị Ánh N, sinh năm 1956 (Có mặt)
- Bà Huỳnh Thị L, sinh năm 1953; (Vắng mặt)
- Bà Trần Thị Ngọc T, sinh năm 1962; (Vắng mặt)
- Bà Trần Thụy Huỳnh Q, sinh năm 1993; (Vắng mặt)
- Ông Trần Hồng C, sinh năm 1962; (Vắng mặt)
- Bà Đặng Thi Minh T, sinh năm 1962; (Vắng mặt)
- Bà Trần Hồng M, sinh năm 1988; (Vắng mặt)
- Ông Trần Hồng L, sinh năm 1991; (Vắng mặt)
- Bà Trần Thị Ngọc Y, sinh năm 1959; (Vắng mặt)
- Trẻ Trần Hồng T, sinh năm 2005; (Vắng mặt)
- Ông Trần Huỳnh S, sinh năm 1979; (Vắng mặt)
- Ông Trần Huỳnh H, sinh năm 1983; (Vắng mặt)
- Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1982; (Vắng mặt)
- Trẻ Trần Nguyễn Thanh M, sinh năm 2007; (Vắng mặt)
- Trẻ Trần Nguyễn Thanh N, sinh năm 2008; (Vắng mặt)
- Bà Trần Thụy Phương T, sinh năm 1974; (Vắng mặt)
- Bà Trần Thị Mai T, sinh năm 1981; (Vắng mặt)
- Ông Trần Văn Đủ, sinh năm 1966 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: 201/1 Trần Phú, Phường 4, Quận 5, Tp. Hồ Chí Minh

(Ông Trần Huỳnh S và Bà Nguyễn Thị T là người đại diện theo pháp luật của Trẻ Trần Nguyễn Thanh M và Trần Nguyễn Thanh N)

(Ông Trần Hồng C và bà Đặng Thị Minh T là người đại diện theo pháp luật của Trẻ Trần Hồng T)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện Tòa án nhận ngày 16/5/2017, bản tự khai ngày 20/6/2017 *và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Ngân hàng A (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) có người đại diện theo ủy quyền là ông Trần H trình bày:*

Theo Giấy đề nghị vay vốn ngày 27/12/2006 của ông Trần Anh K, ngày 09/01/2007, ông Trần Anh K và Ngân hàng có ký hợp đồng tín dụng số 25XE36010719 để vay số tiền là 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng), thời hạn vay là 36 tháng, lãi suất trong hạn là 1,20%/tháng, lãi quá hạn là 1,80%/tháng đối với số tiền chậm trả, mục đích vay là mua xe ô tô. Ông K đã nhận đủ số tiền vay vào ngày 11/01/2007.

Ngày 21/4/2008, Ngân hàng và ông K ký Phụ lục hợp đồng tín dụng về việc điều chỉnh lãi suất, theo đó, lãi suất tiền vay áp dụng kể từ ngày 22/4/2008 là 1,40%/tháng; lãi suất quá hạn là 2,10%/tháng.

Ngày 19/12/2008, hai bên ký tiếp phụ lục hợp đồng tín dụng về việc điều chỉnh lãi suất, theo đó, lãi suất tiền vay áp dụng kể từ ngày 19/12/2008 là 1,25%/tháng; lãi suất quá hạn là 1,875%/tháng. Kể từ ngày ký phụ lục hợp đồng tín dụng này, lãi suất được điều chỉnh 03 tháng/lần.

Tài sản thế chấp để bảo đảm cho khoản vay trên là quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại thửa đất số 26, tờ bản đồ số 11 BĐĐC P4.Q5, tọa lạc tại địa chỉ 201/1 đường T, Phường 4, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh, hồ sơ gốc số 511/2002 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 15/01/2002. Việc thế chấp tài sản thực hiện theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 25XE36010719 ngày 10/01/2007 được công chứng tại Phòng Công chứng số 2 Thành phố Hồ Chí Minh, số công chứng 00962, quyển số 01/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 10/01/2007 và đã được Trung tâm thông tin Tài nguyên – Môi trường và đăng ký nhà đất xác nhận đăng ký ngày 10/01/2007.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông Trần Anh K đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, chỉ thanh toán được cho Ngân hàng số tiền 69.345.535 đồng (tiền gốc là 36.623.927 đồng; tiền lãi là 32.721.608 đồng). Mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, nhắc nhở nhưng ông Trần Anh K vẫn không tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng.

Tính đến ngày 25/5/2018, ông Trần Anh K còn thiếu Ngân hàng tổng số tiền là 189.428.686 đồng, trong đó nợ gốc là 63.376.073 đồng, nợ lãi là 158.774.221 đồng (lãi trong hạn là 82.795.285 đồng và lãi quá hạn là 43.257.328 đồng). Do vậy, Ngân hàng yêu cầu ông K thanh toán số tiền trên làm một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp ông Trần Anh K không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ khoản nợ nêu trên, Ngân hàng yêu cầu phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Tại bản tự khai ngày 01/12/2017, 27/02/2018 và Biên bản không tiến hành hòa giải được ngày 25/5/2018, bị đơn là ông Trần Anh K trình bày:

Ông thừa nhận ngày 09/01/2007 có ký hợp đồng tín dụng số 25XE36010719 với Ngân hàng A – chi nhánh Bình Thạnh để vay số tiền là 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) theo đúng các điều khoản tại Hợp đồng tín dụng và như đại diện nguyên đơn trình bày. Ông và bà Trần Thị Ánh N đồng ý thế chấp quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở đối với nhà đất tại 201/1 đường T, Phường 4, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh, hồ sơ gốc số 511/2002 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 15/01/2002 cho Ngân hàng. Từ khi vay đến nay, ông đã thanh toán được cho Ngân hàng số tiền gần 70.000.000 đồng.

Nay, Ngân hàng yêu cầu ông thanh toán tổng số tiền tạm tính đến ngày 25/5/2018 là 189.428.686 đồng, trong đó nợ gốc là 63.376.073 đồng, nợ lãi là 158.774.221 đồng (lãi trong hạn là 82.795.285 đồng và lãi quá hạn là 43.257.328 đồng) thì ông cũng đồng ý trả nhưng do không đủ điều kiện kinh tế để thanh toán ngay một lần cho Ngân hàng nên ông xin trả góp mỗi tháng là 3.000.000 đồng, bắt đầu từ tháng 6/2018 cho đến khi trả hết số nợ và xin Ngân hàng miễn lãi quá hạn.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 20/11/2017, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Trần Thị Ánh N trình bày:

Bà là em ruột của ông Trần Anh K và là người cùng đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà cùng với ông K theo Hợp đồng tặng cho số 09237/HĐ-TCN ngày 08/10/2002. Bà biết việc ông K ký hợp đồng vay tiền với Ngân hàng và đồng ý thế chấp tài sản để ông K vay vốn tại Ngân hàng. Bà không biết rõ số tiền hiện nay ông K còn nợ Ngân hàng là bao nhiêu nhưng xin cho ông K trả nợ trong thời hạn 05 tháng và giảm tiền lãi cho ông K. Bà xin Ngân hàng không phát mại tài sản thế chấp vì hiện nay có nhiều người đang sinh sống tại đây.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là các ông Bà Huỳnh Thị L, Trần Thị Ngọc T, Trần Thụy Huỳnh Q, Trần Hồng C, Đặng Thị Minh T, Trần Hồng M, Trần Hồng L, Trần Thị Ngọc Y, Trần Huỳnh S, Trần Huỳnh H; Nguyễn Thị T, Trần Thụy Phương T, Trần Thị Mai T, Trần Văn Đ, Trẻ Trần Nguyễn T M, Trẻ Trần Nguyễn Thanh N và Trẻ Trần Hồng T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án số 77.1/TB-TA ngày 05/3/2018; Giấy triệu tập ngày 05/3/2018 để ghi nhận ý kiến về việc khởi kiện của nguyên đơn; Giấy triệu tập các ngày 11/4/2018, 04/5/2018 về việc tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cùng số 77/TB-TA các ngày 11/4/2018 và 04/5/2018; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 77/TB-TA ngày 25/5/2018; Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2018/QĐXXST-DS ngày 30/5/2018 và giấy triệu tập tham gia phiên tòa; Quyết định hoãn phiên tòa số 268/2018/QĐST-DS ngày 29/6/2018 và giấy triệu tập tham gia phiên tòa, nhưng vẫn vắng mặt và không nộp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là Ngân hàng vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và bổ sung khoản tiền lãi cho đến ngày xét xử là 128.270.775 đồng (tiền lãi tính đến ngày 25/5/2018 là 126.052.613 đồng). Ngoài ra, ông K còn phải tiếp tục trả tiền lãi theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng và các Phụ lục hợp đồng tiếp theo ngày xét xử cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Bị đơn - ông Trần Anh K vắng mặt tại phiên tòa nên không có ý kiến trình bày.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà Trần Thị Ánh N xác nhận việc thế chấp quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở đối với nhà đất tại 201/1

đường T, Phường 4, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh, hồ sơ gốc số 511/2002 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 15/01/2002 cho Ngân hàng là đúng quy định pháp luật. Tuy nhiên, hiện nay ông K đang bị bệnh, công việc chạy xe ôm không ổn định thu nhập nên xin Ngân hàng cho trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng từ 01/8/2018 và xin không phát mãi tài sản đã thế chấp vì hiện có nhiều người đang cư trú tại nhà đất trên. Ngoài ra, bà xin Ngân hàng giảm hoặc miễn tiền lãi quá hạn cho ông K để ông có điều kiện thanh toán cho Ngân hàng.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác vắng mặt không lý do nên không có ý kiến trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 5 phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đúng thẩm quyền, thời hiệu, quan hệ pháp luật tranh chấp. Những người tham gia tố tụng được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng A buộc ông Trần Anh K phải thanh toán ngay một lần tổng số tiền tạm tính đến ngày 20/7/2018 là 191.646.848 đồng, trong đó nợ gốc còn lại là 63.376.073 đồng, lãi trong hạn là 84.274.060 đồng và lãi quá hạn là 43.996.716 đồng. Trường hợp ông Trần Anh K không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ khoản nợ nêu trên, Ngân hàng yêu cầu phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Về án phí, ông Trần Anh K được miễn nộp tiền án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn là Ngân hàng A (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) khởi kiện, yêu cầu ông Trần Anh K trả tiền nợ theo Hợp đồng tín dụng số 25XE36010719 ngày 09/01/2007 nên đây là vụ án dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 5 theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về tố tụng: Bị đơn là ông K và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là các ông, Bà Huỳnh Thị L, Trần Thị Ngọc T, Trần Thụy Huỳnh Q, Trần Hồng C, Đặng Thị Minh T, Trần Hồng M, Trần Hồng L, Trần Thị Ngọc Y, Trần Huỳnh S, Trần Huỳnh H; Nguyễn Thị T, Trần Thụy Phương T, Trần Thị Mai T, Trần Văn Đ, Trẻ Trần Nguyễn Thanh M, Trẻ Trần Nguyễn Thanh N và Trẻ Trần Hồng T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2018/QĐXXST-DS ngày 30/5/2018 và giấy triệu tập tham gia phiên tòa; Quyết định hoãn phiên tòa số 268/2018/QĐST-DS ngày 29/6/2018 và giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản

3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nêu trên.

[4] Về yêu cầu của đương sự:

[4.1] Về nợ gốc: Căn cứ Hợp đồng tín dụng số 25XE36010719 ngày 09/01/2007 thể hiện ông Trần Anh K có vay của Ngân hàng số tiền 100.000.000 đồng. Ông K đã nhận đủ số tiền vay vào ngày 11/01/2017. Từ khi nhận tiền đến nay, ông K đã trả được 69.345.535 đồng, trong đó khoản tiền nợ gốc là 36.623.927, còn lại là tiền lãi. Tại Tờ tự khai ngày 01/12/2017, ông K thừa nhận đã trả được cho Ngân hàng gần 70.000.000 đồng. Do vậy, có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng đối với số nợ gốc của hợp đồng tín dụng nêu trên, ông K phải có trách nhiệm thanh toán số nợ gốc còn thiếu là 63.376.073 đồng cho Ngân hàng.

[4.2] Về nợ lãi:

[4.2.1] Căn cứ Phụ lục tính lãi ngày 25/5/2018 và 20/7/2018 cho thấy ông K đã trả được 32.721.608 đồng tiền lãi của Hợp đồng tín dụng số 25XE36010719 ngày 09/01/2007. Tại Tờ tự khai ngày 01/12/2017, ông K chỉ xin giảm tiền lãi chứng tỏ việc tính lãi của Ngân hàng là hoàn toàn đúng và ông đã chấp nhận. Mức lãi suất các bên thỏa thuận áp dụng khi ký hợp đồng tín dụng là 1,2%/tháng, lãi suất nợ quá hạn là 1,8%/tháng. Khi thay đổi mức lãi suất các bên đều có ký với nhau các Phụ lục hợp đồng tín dụng điều chỉnh mức lãi suất. Xét đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các bên đương sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4.2.2] Xét tiền lãi trong hạn và quá hạn đã được Ngân hàng tính đúng theo quy định của pháp luật cho phép và sự thỏa thuận của các bên tại Hợp đồng và các Phụ lục hợp đồng tín dụng. Ông K, bà N xin được miễn hoặc giảm tiền lãi nhưng Ngân hàng không đồng ý. Do vậy, cần buộc ông K phải thanh toán tiền lãi (tạm tính đến ngày 20/7/2018) cho Ngân hàng với số tiền 128.270.775 đồng, trong đó lãi suất trong hạn là 84.274.060 đồng, lãi suất quá hạn là 43.996.716 đồng, điều này cũng phù hợp với quy định của Luật các tổ chức tín dụng năm 1997 tại Điều 54 và Điều 56 (có hiệu lực tại thời điểm các bên giao kết hợp đồng tín dụng).

[5] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng, buộc bị đơn ông K phải có trách nhiệm thanh toán toàn bộ nợ gốc và lãi tính đến ngày 20/7/2018 của Hợp đồng tín dụng số 25XE36010719 ngày 09/01/2007 là 191.646.848 đồng. Trong đó bao gồm nợ gốc là 63.376.073 đồng, lãi trong hạn là 84.274.060 đồng, lãi suất quá hạn là 43.996.716 đồng

[6] Về thời hạn thanh toán: Ngân hàng yêu cầu ông K trả số tiền nợ nêu trên một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Ông K, bà N xin được trả mỗi tháng ba triệu đồng cho đến khi dứt nợ. Xét thấy ông Trần Anh K không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng từ ngày 12/01/2010 đến nay nên

Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng buộc ông K có nghĩa vụ trả số tiền 191.646.848 đồng làm một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

[7] Về xử lý tài sản bảo đảm: Xét ông K và bà Trần Thị Ánh N là đồng sở hữu đối với nhà đất số 201/1 đường T, Phường 4, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng tặng cho số 09237/HĐ-TCN được Phòng Công chứng số 02, Thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận, số công chứng 029819 ngày 08/10/2002. Ông K và bà N đã thế chấp quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở đối với nhà đất nêu trên để bảo đảm khoản vay của Hợp đồng tín dụng số 25XE36010719 ngày 09/01/2007. Việc thế chấp có lập hợp đồng công chứng số 00926 quyển số 01/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 10/01/2007 và có đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 10/01/2007 theo đúng quy định pháp luật. Do vậy, việc Ngân hàng yêu cầu phát mại tài sản là nhà đất trên để thu hồi nợ trong trường hợp ông K không trả được nợ là phù hợp với quy định tại Điều 355 của Bộ luật dân sự nên được chấp nhận.

[8] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ bên Ngân hàng tự nguyện chịu.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông K được miễn tiền án phí do thuộc trường hợp người cao tuổi theo Điều 2 Luật Người cao tuổi số 39/2009/QH12 ngày 23/11/2009 và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Hoàn tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn là Ngân hàng.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 155; Điều 156; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 266; Điều 267; Điều 271 và Điều 273 Bộ Luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 342, Điều 355, Điều 471 và Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ Điều 54 và Điều 56 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 1997 được sửa đổi, bổ sung năm 2004;

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Căn cứ Điều 2 Luật Người cao tuổi số 39/2009/QH12 do Quốc hội ban hành ngày 23/11/2009

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/8/2016 và công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng A:

1.1. Buộc ông Trần Anh K phải trả cho Ngân hàng A tổng số nợ theo Hợp đồng tín dụng số 25XE36010719 ngày 09/01/2007 là 191.646.848 đồng (một trăm chín mươi mốt triệu, sáu trăm bốn mươi sáu nghìn, tám trăm bốn mươi tám đồng), trong đó:

+ Nợ gốc còn lại là 63.376.073 đồng (sáu mươi ba triệu, ba trăm bảy mươi sáu nghìn, không trăm bảy mươi ba đồng).

+ Nợ lãi tính đến ngày 20/7/2018 là 128.270.775 đồng (một trăm hai mươi tám triệu, hai trăm bảy mươi nghìn, bảy trăm bảy mươi lăm đồng) (lãi suất trong hạn là 84.274.060 đồng, lãi suất quá hạn là 43.996.716 đồng).

Trả làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

1.2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

1.3 Trường hợp ông Trần Anh K không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán của mình thì Ngân hàng A có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp là quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại thửa đất số 26, tờ bản đồ số 11 BĐĐC P4.Q5, tọa lạc tại địa chỉ 201/1 đường T, Phường 4, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh, hồ sơ gốc số 511/2002 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 15/01/2002 để thu hồi nợ.

2. Về chi phí tố tụng khác trong vụ án: Nguyên đơn Ngân hàng tự nguyện chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đã thực hiện xong.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Ông Trần Anh K được miễn án phí.

3.2. Hoàn tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng A số tiền 4.281.192 đồng (bốn triệu hai trăm tám mươi mốt nghìn một trăm chín mươi hai đồng) theo biên lai thu số AG/2014/0005247 ngày 02/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Ngân hàng A và Bà Trần Thị Ánh N được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; các ông bà Trần Anh K, Huỳnh Thị L, Trần Thị Ngọc T, Trần Thụy Huỳnh Q, Trần Hồng C, Đặng Thị Minh T, Trần Hồng M, Trần Hồng L, Trần Thị Ngọc Y, Trần Huỳnh S, Trần Huỳnh H; Nguyễn Thị T, Trần Thụy Phương T, Trần Thị Mai T, Trần Văn Đ, Trẻ Trần Nguyễn T M, Trẻ Trần Nguyễn Thanh N (có Ông Trần Huỳnh S và Bà Nguyễn Thị T là người đại diện theo pháp luật) và Trẻ Trần Hồng T (có Ông Trần Hồng C và bà Đặng Thị Minh T là người đại diện theo pháp luật) có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày được tống đạt, niêm yết hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKS nhân dân Quận 5;
- Chi cục THA DS Quận 5;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Ngọc Bích